

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST – KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH B M Việt Nam (viết tắt Công ty B M).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36, đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường An P, Thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty: Bà Khấu Thị Thiên K – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà K: Bà Nguyễn Thị Anh V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 58 A đường Trương Công Đ, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ

Địa chỉ liên lạc: Số 40 Bà huyện T.Q, Phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền số 241-2022-GUQ ngày 24/10/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH N.G(viết tắt là Công ty N)

Địa chỉ trụ sở chính: B24, đường D9, KDC Phú A, ấp 6, xã Thạnh Đ, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn T–
Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

(Chị V có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 13/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 05/2018 Công ty B Mký Đơn đặt hàng kiêm Hợp đồng bán hàng nhiều lần với Công ty N tổng cộng 04 (bốn) Đơn đặt hàng kiêm Hợp đồng số 0381/NF-17 ngày 13/10/2017, 0416/NF-17 ngày 17/11/2017, 0022/NF-18 ngày 19/01/2018, 0100/NF-18 ngày 18/05/2018, Công ty B Đã hoàn tất việc giao hàng đầy đủ. Tuy nhiên, Công ty N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho các đơn hàng này. Ngày 03/07/2018, Công ty B Gửi Công văn yêu cầu Công ty N xác nhận công nợ số tiền là 1.706.525.000 đồng kèm bảng tính và được ông Nguyễn Văn T– Tổng giám đốc Công ty ký và đóng dấu xác nhận.

Đến ngày 17/08/2018, Công ty B Mtiếp nhận yêu cầu thu hồi hàng hóa từ Công ty N với lý do ngừng sản xuất kinh doanh. Theo đó, Công ty B Mtiến hành thủ tục thu hồi 357.5kg Hemicell HT với giá 284.310 VND/kg theo đúng giá Công ty B Mđã xuất hóa đơn khi bán hàng cho Công ty N và cân trừ công nợ với hóa đơn 0000642 xuất ngày 22/05/2018. Việc thu hồi được lập thành Phiếu giải quyết khiếu nại khách hàng số 60/2018 ngày 16/08/2018, Phiếu xuất kho nội bộ của Công ty N ngày 17/08/2018, Biên bản bàn giao hàng hóa và Phiếu kiểm tra hàng nhập ngày 17/08/2018, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001019 của Công ty N, và Phiếu đề nghị thanh toán của Công ty B Mngày 10/10/2018. Như vậy, theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty B Mđã cân trừ trực tiếp hàng hóa có giá trị 101.640.825 đồng vào công nợ giữa Công ty B Mvà Công ty N. Như vậy, tổng số nợ mà bị đơn còn nợ lại là 1.604.884.175 đồng.

Đến tháng 04/2021, Công ty N liên tục không thanh toán đúng hạn khoản nợ nêu trên nên nguyên đơn đã tiến hành khởi kiện nhưng đã rút đơn khởi kiện trước khi được thụ lý do cùng thời điểm này Công ty N đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đến Tòa án nhân dân huyện B vào năm 2020 và được thụ lý theo Thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản số 01/2021/TB-TLPS ngày 28/04/2021. Trong đó, Công ty TNHH B MViệt Nam là một trong những chủ nợ của Công ty N. Tuy nhiên, việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản liên tục bị

tạm đình chỉ cho đến tháng 10/2022 B Nhận được Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản số 02/2022/QĐST-PS ngày 27/09/2022 của Tòa án nhân dân Huyện B. Trong suốt khoảng thời gian nêu trên, Công ty N vẫn chưa thanh toán cho Công ty B M số công nợ còn lại với giá trị 1.604.884.175 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty TNHH B Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH N Việt Nam phải thanh toán số tiền hàng còn nợ sau khi trừ hàng hóa hoàn trả lại theo yêu cầu của N là 1.604.884.175 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) và tự nguyện tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 10/10/2018 đến ngày lập Đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 (1464 ngày), với mức lãi suất quá hạn tạm tính là 12%/năm thành tiền là 771.927.303 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị đơn còn nợ là 2.376.811.478 đồng. Trường hợp, bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ cho nguyên đơn số tiền này, thì nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi suất khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Công ty TNHH B Đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các Văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay còn nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu và trình bày của mình. Đồng thời, cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Công ty B Mký hợp đồng bán hàng nhiều lần với công ty N.Gtrong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 05/2018. Công ty B Mđã hoàn tất việc giao hàng theo 04 đơn đặt hàng kèm hợp đồng số 0381/NF-17 ngày 13/10/2017, 0416/NF-17 ngày 17/11/2017, 0022/NF-18 ngày 19/01/2018, 0100/NF-18 ngày 18/05/2018 tuy nhiên công ty N chưa thanh toán đầy đủ cho các đơn hàng này.

Bảng xác nhận công nợ từ ngày 01/06/2018 đến ngày 27/07/2018 thể hiện công ty TNHH N.Gcòn nợ công ty TNHH B MViệt Nam số tiền là 1.604.884.175 VNĐ và có ký xác nhận của giám đốc Nguyễn Văn T.

Ngày 17/08/2018, công ty B Mtiếp nhận yêu cầu thu hồi hàng hóa từ công ty N.Gvới lý do ngừng sản xuất kinh doanh. Theo đó, công ty B Mtiến hành thủ tục thu hồi 357.5 kg Hemicell HT với giá 284.310 VNĐ/kg theo đúng giá công ty B Mđã xuất hóa đơn khi bán hàng cho công ty N.Gvà căn trừ công nợ với hóa đơn 0000642 xuất ngày 22/05/2018.

Như vậy, theo thỏa thuận giữa hai bên, công ty B Mđã căn trừ trực tiếp hàng hóa có giá trị 101.640.825 VNĐ vào công nợ giữa công ty B Mvà công ty N Group.

Tại Danh sách Công ty N nợ nhà cung cấp cũng thể hiện Nợ Công ty TNHH B MViệt Nam là 1.604.884.175 VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, công ty TNHH N.Gđã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng công ty TNHH N.Gvắng mặt và không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn xác định công ty TNHH N.Gcòn nợ công ty TNHH B MViệt Nam số công nợ gốc còn lại sau khi căn trừ hàng hóa hoàn trả lại là 1.604.884.175 VNĐ. Về yêu cầu tính lãi: đến nay, công ty TNHH N.Gkhông thanh toán số tiền còn nợ cho công ty TNHH B Mlà đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên công ty B Myêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất quá hạn là 12%/năm từ ngày 10/10/2018 đến ngày 13/10/2022 là 771.927.303 VNĐ là phù hợp. Do đó yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên của công ty TNHH B MViệt Nam là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 BLDS 2015 đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B MViệt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N.Gphải trả cho công ty TNHH B MViệt Nam toàn bộ số tiền nợ

gốc và lãi quá hạn thanh toán từ ngày 10/10/2018 đến ngày 13/10/2022 tổng cộng: **2.376.811.478 VNĐ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về các thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ. Xét thấy, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại huyện B. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

Công ty TNHH B Mkhởi kiện buộc Công ty TNHH N Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định Công ty TNHH N Việt Nam là bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: theo Văn bản ngày 03/7/2018 của Công ty TNHH N. Đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.706.525.000 đồng; Biên bản làm việc về việc giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do Tòa án lập ngày 28/4/2021, thì bị đơn đã xác nhận còn nợ các nhà cung cấp (trong đó có nguyên đơn) kèm theo danh sách nợ ngày 28/4/2021 là sự thật. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự không cần phải chứng minh. Hai bên đều xác nhận đã giao hàng và nhận hàng hoàn tất theo các Đơn đặt hàng kèm Hợp đồng mua bán đã ký kết. Tuy nhiên, nguyên đơn khởi kiện bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau:

[3.1]. Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền hàng còn nợ sau khi cần trừ hàng hóa hoàn trả lại theo yêu cầu của N là 1.604.884.175 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) và tự nguyện tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 10/10/2018 đến ngày lập Đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 (1464 ngày), với mức lãi suất quá hạn tạm tính là 12%/năm thành tiền là 771.927.303 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các Văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ nêu trên.

[3.2]. Trong quá trình Tòa án giải quyết, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải đề ngày

12/01/2023. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[3.3]. Từ những phân tích tại mục [3.1-3.2]. Căn cứ các Điều 430, 432, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa. Buộc bị đơn Công ty TNHH N.G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH B M số tiền hàng hoá còn nợ là 1.604.884.175 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) và tự nguyện tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 10/10/2018 đến ngày lập Đơn khởi kiện ngày 13/10/2022 (1464 ngày), với mức lãi suất quá hạn tạm tính là 12%/năm thành tiền là 771.927.303 đồng. Tổng số tiền bị đơn còn nợ là 2.376.811.478 đồng.

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty TNHH N.G phải chịu án phí là 79.536.230 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty TNHH B M theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430, 432, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TNHH B M Việt Nam đối với bị đơn Công ty TNHH N.G về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty TNHH N.G có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH B M Việt Nam là 2.376.811.478 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm mười một ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng*). Trong đó tiền gốc là 1.604.884.175 đồng, tiền lãi là 771.927.303 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH B M Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng Công ty TNHH N.G còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH N.G phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 79.536.230 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi đồng*).

3.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH B M Việt Nam đã nộp là 41.704.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi một triệu bảy trăm linh bốn ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012399 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thới